

NGHIÊN CỨU BIẾN ĐỘNG SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2000 - 2015 Ở HUYỆN TUYỀN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

Đinh Tiến Dũng^{1*}, Nguyễn Quang Tuấn², Lương Tiên Mạnh³

¹ UBND huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình

² Khoa Địa lý - Địa chất, trường Đại học Khoa học - Đại học Huế

³ Sinh viên khóa K35, khoa Địa lý - Địa chất, trường Đại học Khoa học - Đại học Huế

* Email: dungtnmt1979@gmail.com

TÓM TẮT

Tuyên Hóa là một huyện miền núi của tỉnh Quảng Bình, có địa hình dốc và cấu trúc phức tạp nên quá trình sử dụng đất có nhiều thay đổi gây khó khăn trong việc quản lý và định hướng sử dụng có hiệu quả. Trong khuôn khổ nghiên cứu này tác giả đã tiến hành phân tích tổng hợp các nguồn dữ liệu đất đai giai đoạn 2000 - 2015, từ đó tiến hành nghiên cứu và đánh giá quá trình biến động sử dụng đất bằng công cụ GIS. Từ đó đề xuất các giải pháp và định hướng sử dụng đất hợp lý tài nguyên đất đai bền vững. Kết quả nghiên cứu cho thấy được sự biến động của đất đai huyện Tuyên Hóa qua các thời kì từ 2000 - 2015 theo xu hướng chung là tăng diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và giảm diện tích đất chưa sử dụng. Diện tích đất nông nghiệp từ 87.091,78 ha năm 2000 tăng lên 101.098,44 ha năm 2015, diện tích đất phi nông nghiệp tăng từ 3.800,87 ha lên 6.372,98 ha, diện tích đất chưa sử dụng giảm từ 24.205,79 ha xuống còn 7.333,05 ha năm 2015.

Từ khóa: Biến động sử dụng đất, Tuyên Hóa, GIS, tài nguyên đất đai.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

1.1. Tính cấp thiết

Sự phát triển đã và đang tác động rất lớn tới đất đai, làm cho đất đai biến động không ngừng. Gia tăng dân số và các hoạt động của con người, của đời sống xã hội luôn làm cho đất đai biến động và thay đổi theo thời gian. Theo dõi biến động sử dụng đất sẽ cung cấp những thông tin chính xác về hiện trạng sử dụng đất, đó là những thay đổi về diện tích, về mục đích sử dụng. Từ đó có định hướng sử dụng đất hiệu quả và hợp lý cho tương lai. [5]

Tuyên Hóa là một huyện miền núi của tỉnh Quảng Bình, do địa hình dốc và có kết cấu địa chất phức tạp nên quá trình sử dụng đất có nhiều thay đổi, biến động gây khó khăn trong việc quản lý và định hướng sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm đất trên địa bàn huyện. Để việc định hướng sử dụng hợp lý lãnh thổ huyện đạt hiệu quả thì việc đánh giá tình hình biến động sử dụng đất là cấp thiết, đóng vai trò hết sức quan trọng.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình sử dụng đất ở huyện Tuyên Hóa

a) Những nhân tố tự nhiên

Tuyên Hóa nằm về phía Tây - Nam dãy Hoành Sơn, giáp với dãy Trường Sơn, với tổng diện tích toàn huyện là 115.098,44 ha, có địa hình hẹp, độ dốc giảm dần từ Tây sang Đông và bị chia cắt bởi hệ thống sông, suối, núi đá; vùng thấp có độ cao từ 2 - 6 m, vùng cao có độ cao trung bình từ 25 - 100 m. Địa hình phía Tây Bắc là núi cao và thấp dần về phía Đông - Nam. Địa hình toàn huyện được chia thành ba dạng chính đó là: địa hình núi trung bình; địa hình vùng gò đồi đan xen thung lũng và địa hình đồng bằng. [4]

Tuyên Hóa nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa, mỗi năm có 2 mùa chính. Nhiệt độ bình quân hàng năm 24⁰C. Mùa lạnh bắt đầu từ tháng X năm trước đến tháng III năm sau với nhiệt độ trung bình trong ngày dưới 22⁰C. Mùa nóng kéo dài từ tháng IV đến tháng X với nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 25⁰C. [4]

Lượng mưa: tổng lượng mưa khá lớn, trung bình hàng năm là 2.181 mm. Gió mùa đã gây hiện tượng mưa và phân hoá lượng mưa không đều. Mùa khô nóng mưa ít chiếm khoảng 20 - 24% lượng mưa cả năm; từ tháng VIII đến tháng XI mưa nhiều chiếm tới 65 - 70% cả năm, vì vậy lũ lụt thường xảy ra vào thời gian này. Số ngày mưa trung bình của huyện là 169 ngày cao hơn so với toàn tỉnh.[4]

Độ ẩm không khí tương đối cao, trung bình 83%, nhìn chung không ổn định. Vào mùa mưa, độ ẩm không khí thường cao hơn mùa khô từ 10 - 15%. Thời kỳ có độ ẩm không khí cao nhất của huyện thường xảy ra vào tháng cuối mùa Đông. [4]

Lượng bốc hơi trung bình của huyện là 1.059 mm. Trong mùa lạnh lượng bốc hơi nhỏ hơn so với mùa nóng, về mùa nóng, do nhiệt độ không khí cao, ẩm độ thấp, gió lớn, áp lực không khí giảm nên cường độ bốc hơi lớn. Lượng bốc hơi trong các tháng V, VI, VII lớn hơn lượng mưa, vì vậy vào thời kỳ này thường xảy ra khô hạn, ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của cây trồng. Tuyên Hóa chịu ảnh hưởng của 2 loại gió chính: Mùa Đông có gió mùa Đông Bắc thịnh hành thổi theo hướng Bắc - Đông Bắc. Mùa Hè chịu ảnh hưởng chủ yếu của gió Tây Nam khô nóng xuất hiện từng đợt, bắt đầu từ tháng IV và kết thúc vào tháng VII. [4]

Chế độ thủy văn của huyện chịu ảnh hưởng bởi các hệ thống sông, suối chính: sông Gianh, sông Rào Trỏ, sông Ngàn Sâu, sông Rào Nam, khe Nét, hồ Be,... Do đặc điểm địa hình làm cho hệ thống sông suối ở đây có đặc điểm là ngắn và dốc, nên tốc độ dòng chảy lớn. Trong mùa mưa, nước từ các sườn núi chảy xuống các thung lũng hẹp, nước sông lên rất nhanh gây lũ, ngập lụt trên diện rộng. Về mùa khô, nước sông xuống thấp, mặt khác sông ngắn nên nước mặn dâng lên xâm nhập đến Minh Cẩm (xã Phong Hóa) gây thiệt hại cho sản xuất nông nghiệp.

Do đặc điểm của địa hình, khí hậu và thủy văn phức tạp đã dẫn tới sự hình thành tài nguyên đất rất đa dạng, bao gồm các nhóm chủ yếu sau: Nhóm đất feralit có nguồn gốc từ đá mẹ được hình thành nội sinh hoặc sa diệp thạch chủ yếu phân bố ở vùng đồi núi có độ dốc cao, phía trên có thảm thực vật là rừng tự nhiên che phủ, đây là nhóm đất này thích hợp với các loại cây

công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, cây lấy gỗ, trồng cỏ phát triển chăn nuôi gia súc ở quy mô vừa và nhỏ; Nhóm đất phù sa chủ yếu phân bố ở các địa hình núi thấp hoặc gò đồi. Đất phù sa được bồi đắp hàng năm phân bố chủ yếu các vùng ven sông chính và các thung lũng đan xen ở vùng gò đồi. Nhờ hàng năm được phù sa bồi đắp nên đất ở đây có độ phì cao, tầng dày lớn nên phù hợp cho việc gieo trồng lúa, ngô hoặc các loại hoa màu, rau đậu. [4]

Thảm thực vật ở đây rất đa dạng và phong phú, trong đó có nhiều loại gỗ quý như lim xanh, đinh, gụ, pơmu... và nhiều loại thú quý hiếm như sơn dương, hươu đen, trĩ sao, gà lôi, các loại bò sát và các loài thú móng guốc khác. Tuyên Hóa có 93.754,84 ha đất lâm nghiệp, chiếm 92,5% đất nông nghiệp. Trong đó: Rừng phòng hộ 31.695,22 ha, chiếm 33,8% diện tích đất lâm nghiệp; rừng sản xuất 62.059,62 ha, chiếm 66,2%. [4]

Điều kiện tự nhiên như trên là một trong những nhân tố quan trọng hình thành đặc điểm sử dụng đất khu vực nghiên cứu.

b) Những nhân tố kinh tế - xã hội

Tính đến ngày 31/12/2014, tổng dân số huyện Tuyên Hóa là 78.341 nhân khẩu với 19.758 hộ, mật độ dân số trung bình là 68,1 người/km² và có sự chênh lệch giữa các xã, thị trấn, mật độ dân số cao nhất là thị trấn Đồng Lê với 536,5 người/km² và thấp nhất là xã Ngự Hóa với 7,5 người/km². Dân số chủ yếu là dân tộc Kinh, ngoài ra có dân tộc Sách, Chứt, Mã Liềng...

Toàn huyện có 51.091 người trong độ tuổi lao động, chiếm 65,22% dân số. Lao động chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, một số ít lao động sản xuất thủ công nghiệp như sản xuất mây tre đan, mộc dân dụng, chế biến lương thực, cơ kim khí sửa chữa nhỏ, dịch vụ. Số lao động tham gia vào các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội (KT - XH) trên địa bàn huyện hiện nay được sử dụng chưa thật hợp lý, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp, do tính chất thời vụ nên vẫn còn tình trạng thiếu việc làm, năng suất lao động thấp; tạo công ăn việc làm cho thanh niên, học sinh mới ra trường cũng như lực lượng lao động nông thôn vẫn là vấn đề bức xúc cần được tập trung giải quyết của huyện.

Với một huyện miền núi có xuất phát điểm thấp, điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, UBND huyện, sự quyết tâm của toàn thể nhân dân, cùng với lợi thế về tiềm năng thiên nhiên, nguồn lực con người, nền kinh tế của huyện đã dần phát triển ổn định. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất năm 2014 là 9,1% . Tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư năm 2014 là 36,59%. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã có những chuyển đổi theo hướng tích cực, phù hợp với điều kiện sinh thái và thổ nhưỡng; việc đầu tư thâm canh tăng vụ, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật được chú trọng nên năng suất các loại cây trồng, vật nuôi tăng cao, có bước tiến bộ rõ rệt, an ninh lương thực trên địa bàn được bảo đảm, giá trị sản xuất không ngừng tăng. Giá trị sản xuất nông nghiệp năm 2014 tăng 5,1%. Tỷ trọng ngành Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp - Xây dựng năm 2014 là 21,41%. Chương trình phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề mới ở nông thôn được triển khai thực hiện có hiệu quả. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp không ngừng tăng với tỷ lệ cao năm 2013 ước tính đạt 131,79 tỷ đồng. Giá trị sản xuất

công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp năm 2014 ước đạt 138,7 tỷ đồng, so cùng kỳ năm trước tăng 17,9%. Tỷ trọng ngành Thương mại - Dịch vụ năm 2014 là 42,0%. Giá trị sản xuất thương mại tăng nhanh trong những năm gần đây. Tổng mức lưu chuyển hàng hoá trên địa bàn năm 2014 ước tính trên 768,0 tỷ đồng. Tăng bình quân 5,98% so với cùng kỳ năm trước [3].

Hệ thống giao thông trong giai đoạn 2005 - 2015 được cải thiện đáng kể, các tuyến đường giao thông được đầu tư xây dựng (Đường Hồ Chí Minh, đường nối từ cảng Vũng Áng đến biên giới Việt - Lào, đường Quốc lộ 12C, đường Quốc lộ 15, đường Mai Hoá - Ngư Hoá, đường về xã Châu Hoá...) tạo nên mạng lưới giao thông khá hoàn chỉnh. Đến nay toàn huyện có 20/20 xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm xã.

Mạng lưới cung cấp điện đã được xây dựng trên toàn bộ địa bàn huyện, hiện nay 20/20 xã thị trấn đều được dùng điện lưới quốc gia. Số hộ dân dùng điện lưới quốc gia tăng nhanh và đến nay đã đạt 100% số hộ. Mức tiêu thụ điện năng cũng không ngừng tăng, tỷ lệ điện năng phục vụ sản xuất công nghiệp tăng nhanh trong cơ cấu tiêu dùng điện. Mặt khác, các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đang từng bước phát triển và mở rộng. Đặc biệt công tác sửa đổi luật đất đai đã ảnh hưởng rất lớn đến việc sử dụng và quản lý đất đai toàn huyện.

Những đặc điểm về kinh tế xã hội nêu trên cũng chính là nhân tố tác động mạnh đến quá trình quản lý và đặc điểm sử dụng đất đai của huyện.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Phương pháp khảo sát điều tra thực địa

Phương pháp này được sử dụng nhằm thu thập số liệu về các vấn đề liên quan đến biến động đất đai khu vực nghiên cứu; tiến hành điều tra thực địa, xem xét đối chiếu các loại sử dụng đất giữa bản đồ và thực tế để làm chính xác hơn kết quả nghiên cứu.

Do địa bàn huyện Tuyên Hóa rộng, địa hình phức tạp và trải dài theo hướng Tây Bắc sang Đông Nam, vì vậy để tiến hành thực hiện nội dung nghiên cứu đề tài tác giả đã xây dựng các tuyến khảo sát đặc trưng và đại diện cho vấn đề nghiên cứu trên toàn lãnh thổ, cụ thể là:

- Tuyến 1: Tuyến khảo sát dọc theo lưu vực sông Gianh từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Đây là tuyến khảo sát chủ đạo được chia làm hai tuyến nhỏ đó là: Tuyến 1a đi từ trung tâm thị trấn Đồng Lê lên các xã phía Tây của huyện; Tuyến 1b đi từ trung tâm thị trấn Đồng Lê xuống các xã phía Đông của huyện.

- Tuyến 2: Tuyến khảo sát dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh đại diện cho các xã phía Tây của huyện.

- Tuyến 3: Tuyến khảo sát theo hướng từ Tây Nam sang Đông Bắc đại diện cho các xã phía Nam của huyện.

Phương pháp thống kê, xử lý, phân tích số liệu

Các thông tin, số liệu phục vụ cho việc phân tích và đánh giá tình hình được thu thập dần dần từng bước qua việc sử dụng nhiều phương pháp khác nhau. Trong quá trình thu thập số liệu luôn được bổ sung hoặc chỉnh lý cho phù hợp với thực tế.

Thu thập thông tin, số liệu đã có sẵn là những thông tin, số liệu có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến quá trình nghiên cứu của luận văn đã được công bố chính thức ở các ngành, các cấp. Bao gồm: niên giám thống kê; các loại bản đồ và tư liệu ảnh liên quan đến khu vực nghiên cứu; số liệu thống kê đất đai hàng năm và kiểm kê đất đai định kỳ 5 năm; các công trình nghiên cứu, đề tài, tạp chí khoa học thuộc các bộ, ngành, sở và các địa phương.

Đối với thông tin, số liệu đã có sẵn, sau khi thu thập được kiểm tra ở các khía cạnh: tính đầy đủ, chính xác và độ tin cậy. Sau đó được xử lý trên bảng tính excel và thông qua kết quả tính toán, xử lý để so sánh, đánh giá và rút ra kết luận cần thiết; đối với tư liệu dạng ảnh hoặc bản đồ cần được nắn chỉnh hình học để đưa tư liệu thu thập được về cùng một hệ tọa độ.

Từ kết quả đã thống kê, xử lý phân tích và đưa ra những nhận xét, đánh giá về tình hình biến động đất đai.

2.2. Phương pháp kế thừa

Phương pháp này thực hiện qua việc tìm hiểu, thu thập, kế thừa và hệ thống hóa các tài liệu nghiên cứu đã có từ trước liên quan đến đề tài từ đó lựa chọn các thông tin cần thiết phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Thu thập thông tin về tình hình KT - XH của huyện Tuyên Hoá qua các báo cáo hàng năm; tài liệu thống kê, kiểm kê các năm 2000, 2005, 2010, 2015; bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2005, 2010, 2015.

2.3. Phương pháp bản đồ, GIS và viễn thám

Đây là phương pháp ghi nhận, mô tả, phân tích, tổng hợp và nhận biết các thay đổi trong quá khứ của việc sử dụng đất thông qua việc thành lập và sử dụng bản đồ. Thu thập bản đồ hiện trạng sử dụng đất các năm 2005, 2010, 2015. Riêng năm 2000, không có bản đồ hiện trạng sử dụng đất nên đề tài tiến hành xử lý, giải đoán ảnh viễn thám SPOT 5 có độ phân giải 10m bằng phần mềm ENVI, từ đó thu được bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2000.

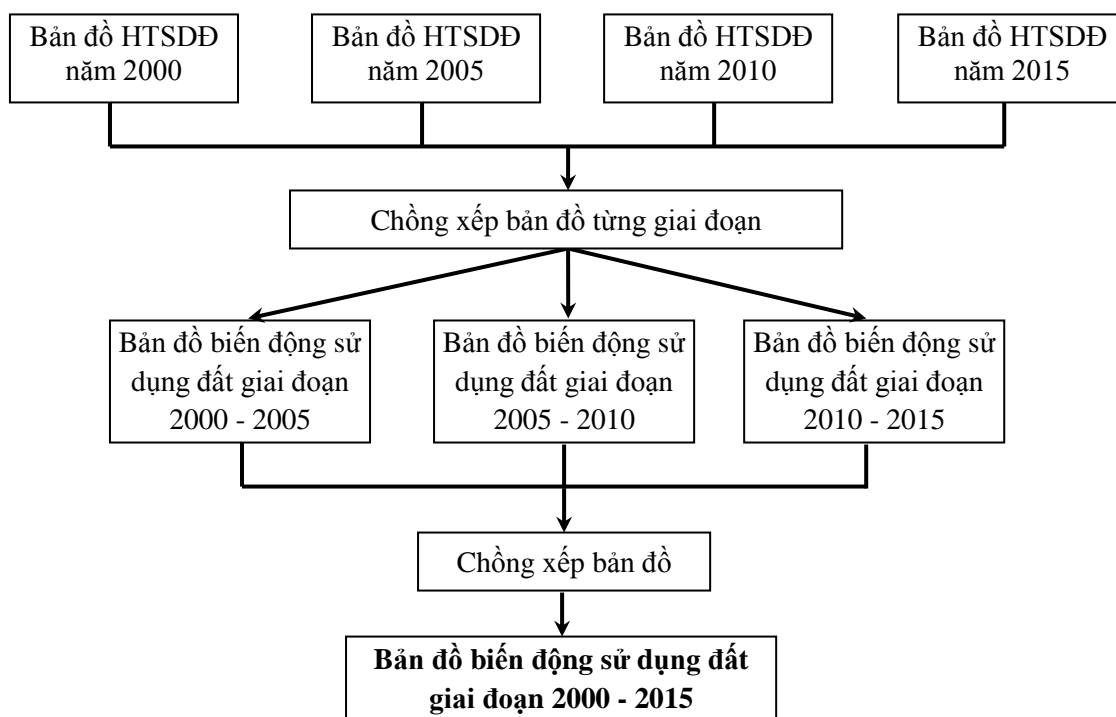
Sử dụng phần mềm Mapinfo để biên tập các bản đồ đơn tính. Thành lập bản đồ biến động sử dụng đất các giai đoạn trung gian: 2000 - 2005, 2005 - 2010, 2010 - 2015 và giai đoạn tổng thể 2000 - 2015 từ các bản đồ đơn tính bằng phần mềm ArcGIS.

2.4. Phương pháp chuyên gia

Đây là phương pháp được sử dụng để tham vấn chuyên môn các nhà quản lý, nhà nghiên cứu về chuyên môn bằng tọa đàm, hội thảo để từ đó lựa chọn những ý kiến tối ưu của họ nhằm phục vụ cho việc xây dựng báo cáo.

Tiến hành phỏng vấn công chức phụ trách Địa chính - Xây dựng của xã, phỏng vấn với cán bộ phòng Tài nguyên và Môi trường huyện nhằm thu thập các thông tin về hiện trạng sử dụng đất của các năm từ 2000, 2005, 2010 và 2015.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN



Hình 1. Quy trình thành lập bản đồ biến động sử dụng đất huyện Tuyên Hóa giai đoạn 2000 - 2015

3.1. Tình hình biến động sử dụng đất giai đoạn 2000 - 2015 ở huyện Tuyên Hóa

Phân tích bản đồ hiện trạng sử dụng đất và tài liệu sử dụng đất qua các thời kỳ 2000, 2005, 2010 và 2015 cho thấy đặc điểm hiện trạng sử dụng đất của huyện như sau (bảng 1):

Bảng 1. Diện tích các loại hình sử dụng đất của huyện Tuyên Hóa giai đoạn 2000 - 2015

STT	Loại đất	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2015
		Tổng diện tích tự nhiên	115.098,44	115.098,44	115.098,44
1	Đất nông nghiệp	87.091,78	94.281,29	101.566,00	101.392,41
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	4.690,13	5.460,80	7.672,54	7.589,10
1.2	Đất lâm nghiệp	82.361,10	88.772,72	93.843,92	93.754,84
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	25,78	25,97	49,54	48,47
1.4	Đất nông nghiệp khác	14,77	21,80	0,00	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	3.800,87	5.187,04	6.130,44	6.372,98
2.1	Đất ở	558,23	592,69	648,02	677,77
2.2	Đất chuyên dùng	899,98	2.100,33	2.809,34	2.990,34
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	6,19	7,92	6,80	8,59
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	307,76	274,01	319,25	340,18

STT	Loại đất	Năm 2000	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2015
2.5	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	2.012,03	2.210,08	2.347,03	2.356,10
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	16,68	2,01	0,00	0,00
3	Đất chưa sử dụng	24.205,79	15.630,11	7.402,00	7.333,05
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	3.739,28	2.798,41	1.496,59	1.480,46
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	18.302,43	10.641,19	3.168,50	3.115,33
3.3	Núi đá không có rừng cây	2.164,08	2.190,51	2.736,91	2.737,26

Năm 2000: **1** - Đất nông nghiệp của huyện năm 2000 có diện tích là 87.091,78 ha, bao gồm: đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác. Đất sản xuất nông nghiệp có diện tích 4.690,13 ha chiếm 5,38%. Diện tích đất lâm nghiệp là 82.361,1 ha, chiếm 94,57%. Đất nuôi trồng thủy sản với diện tích 25,78 ha chỉ chiếm 0,03%. **2** - Đất phi nông nghiệp có tổng diện tích là 3.800,87 ha, chiếm 3,30% tổng diện tích tự nhiên của huyện bao gồm đất ở có diện tích 558,23 ha, chiếm 14,69% và Đất chuyên dùng có diện tích 899,98 ha, chiếm 23,68%. Đất tôn giáo, tín ngưỡng có diện tích 6,19 ha, chiếm 0,16%. Đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích 307,76 ha, chiếm 8,10%. Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng có diện tích 2.012,03 ha, chiếm 52,93%. Đất phi nông nghiệp khác có diện tích 16,68 ha, chiếm 0,44%. **3** - Đất chưa sử dụng có diện tích 24.205,79 ha, chiếm 21,03% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó đất đồi núi chưa sử dụng có diện tích lớn nhất là 18.302,43 ha, chiếm 75,61% diện tích đất chưa sử dụng. Đất bằng chưa sử dụng chiếm 15,45% diện tích đất chưa sử dụng với diện tích 3.739,28 ha. Còn lại 2.164,08 ha là diện tích đất núi đá không có rừng cây chiếm 8,94% diện tích đất chưa sử dụng.

Năm 2005: **1** - Đất nông nghiệp của huyện năm 2005 có diện tích là 94.281,29 ha, Trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp có diện tích 5.460,8 ha chiếm 5,79% diện tích đất nông nghiệp. Diện tích đất lâm nghiệp là 88.772,72 ha, chiếm 94,16% diện tích đất nông nghiệp. Đất nuôi trồng thủy sản với diện tích 25,97 ha chỉ chiếm 0,03% diện tích đất nông nghiệp. **2** - Đất phi nông nghiệp có tổng diện tích là 5.187,04 ha, chiếm 4,51% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó: Đất ở có diện tích 592,69 ha, chiếm 10,9%. Đất chuyên dùng có diện tích 2.100,33 ha, chiếm 40,49%. Đất tôn giáo, tín ngưỡng có diện tích 7,92 ha, chiếm 0,15%. Đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích 274,01 ha, chiếm 5,28%. Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng có diện tích 2.210,08 ha, chiếm 42,61%. **3** - Đất chưa sử dụng có diện tích 15.630,11 ha, chiếm 13,58% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó đất đồi núi chưa sử dụng có diện tích lớn nhất là 10641,19 ha, chiếm 68,08%. Đất bằng chưa sử dụng chiếm 17,90% diện tích đất chưa sử dụng. Còn lại 2.190,51 ha là diện tích đất núi đá không có rừng cây chiếm 14,02%.

Năm 2010: **1** - Diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sử dụng đất năm 2010 của huyện với diện tích là 101.566,0 ha, bao gồm: đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản. Trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp có diện tích 7672,54 ha chiếm 7,55 %. Diện tích đất lâm nghiệp là 93843,92 ha, chiếm 92,4%. Đất nuôi trồng thủy sản với

diện tích 49,54 ha chỉ chiếm 0,05%. **2** - Đất phi nông nghiệp có tổng diện tích là 6130,44 ha, chiếm 5,33% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó: Đất ở có diện tích 648,02 ha, chiếm 10,57%. Đất chuyên dùng có diện tích 2.809,34 ha, chiếm 45,83%. Đất tôn giáo, tín ngưỡng có diện tích 6,8 ha, chiếm 0,11%. Đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích 319,25 ha, chiếm 5,21%. Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng có diện tích 2347,03 ha, chiếm 38,28%. **3** - Đất chưa sử dụng của huyện năm 2010 có diện tích 7402,0 ha, chiếm 6,43% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó đất đồi núi chưa sử dụng có diện tích lớn nhất là 3168,5 ha, chiếm 42,81%. Đất bằng chưa sử dụng chiếm 20,21% với diện tích 1496,59 ha. Còn lại 2736,91 ha là diện tích đất núi đá không có rừng cây chiếm 36,98%.

Năm 2015: **1** - Diện tích đất nông nghiệp năm 2015 vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu sử dụng đất của huyện với diện tích là 101.392,41 ha, bao gồm: đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản. Trong đó: Đất sản xuất nông nghiệp có diện tích 7.589,1 ha chiếm 7,48 %. Diện tích đất lâm nghiệp là 93.754,84 ha, chiếm 92,47%. Đất nuôi trồng thủy sản với diện tích 48,47 ha chỉ chiếm 0,05%. **2** - Đất phi nông nghiệp có tổng diện tích là 6372,98 ha, chiếm 5,54% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó: Đất ở có diện tích 677,77 ha, chiếm 10,64%. Đất chuyên dùng có diện tích 2.990,34 ha, chiếm 46,92%. Đất tôn giáo, tín ngưỡng có diện tích 8,59 ha, chiếm 0,13%. Đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích 340,18 ha, chiếm 5,34%. Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng có diện tích 2.356,1 ha, chiếm 36,97 %. **3** - Đất chưa sử dụng của huyện năm 2015 có diện tích 7.333,05 ha, chiếm 6,37% tổng diện tích tự nhiên của huyện. Trong đó đất đồi núi chưa sử dụng có diện tích lớn nhất là 3.115,33 ha, chiếm 42,48%. Đất bằng chưa sử dụng chiếm 20,19% với diện tích 1.480,46 ha. Còn lại 2.737,26 ha là diện tích đất núi đá không có rừng cây chiếm 37,33%.

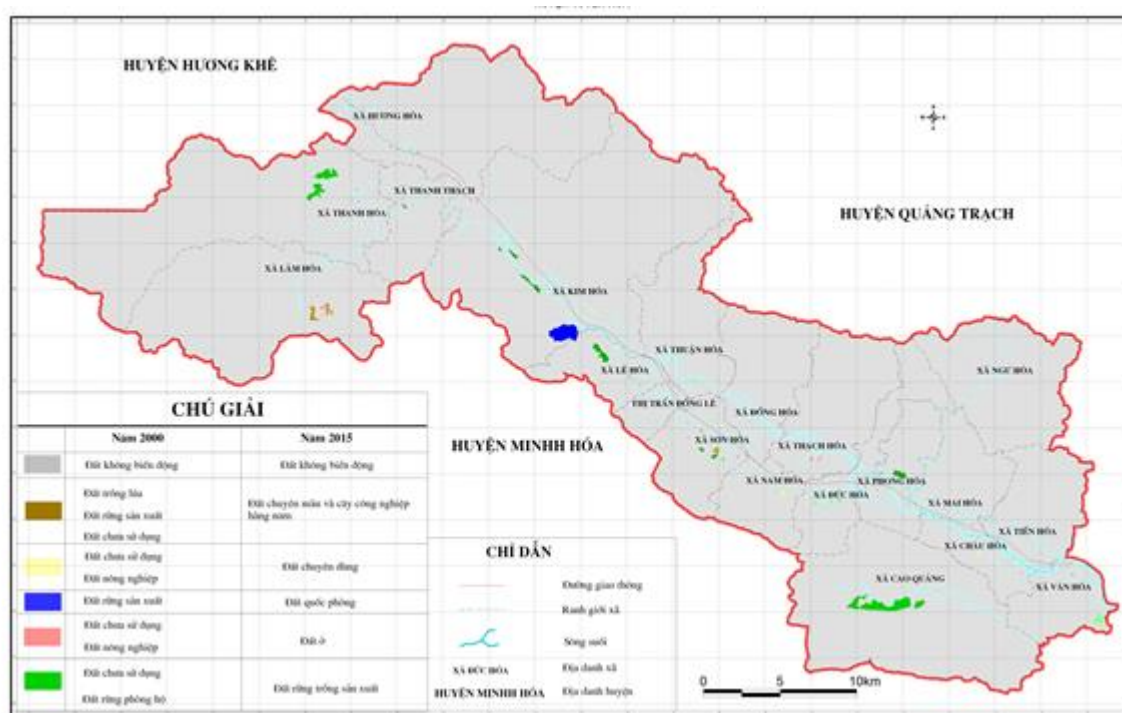
Nghiên cứu và phân tích hai bản đồ hiện trạng sử dụng đất ở các thời kỳ của giai đoạn 2000 - 2015 dưới sự hỗ trợ của GIS cho phép chúng ta thành lập được bản đồ biến động sử dụng đất giai đoạn 2000 - 2015. Kết quả biến động diện tích các loại hình sử dụng đất thể hiện ở bảng 2.

Bảng 2. Biến động diện tích các loại hình sử dụng đất

(Đơn vị tính diện tích: ha)

STT	Loại đất	Diện tích năm 2000 (ha)	Diện tích năm 2015 (ha)	Biến động diện tích (ha) Tăng(+), giảm(-)
		Tổng diện tích tự nhiên	115.098,44	115.098,44
1	Đất nông nghiệp	87.091,78	101.392,41	+14.300,63
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	4.690,13	7.589,10	+ 2.898,97
1.2	Đất lâm nghiệp	82.361,10	93.754,84	+11.393,74
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	25,78	48,47	+22,69
1.4	Đất nông nghiệp khác	14,77	0,00	-14,77
2	Đất phi nông nghiệp	3.800,87	6.372,98	+2.572,11

STT	Loại đất	Diện tích năm 2000 (ha)	Diện tích năm 2015 (ha)	Biến động diện tích (ha) Tăng(+), giảm(-)
2.1	Đất ở	558,23	677,77	+ 119,54
2.2	Đất chuyên dùng	899,98	2.990,34	+2.090,36
2.3	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	6,19	8,59	+2,40
2.4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	307,76	340,18	+32,42
2.5	Đất sông suối và mặt nước CD	2.012,03	2.356,10	+344,07
2.6	Đất phi nông nghiệp khác	16,68	0,00	-16,68
3	Đất chưa sử dụng	24.205,79	7.333,05	-16.872,74
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	3.739,28	1.480,46	-2.258,82
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	18.302,43	3.115,33	-15.187,10
3.3	Núi đá không có rừng cây	2.164,08	2.737,26	+ 573,18



Hình 2. Bản đồ biến động hiện trạng sử dụng đất huyện Tuyên Hóa giai đoạn 2000 - 2015

Qua bảng 2 và hình 2 trên có thể thấy được sự biến động diện tích trong giai đoạn 2000 - 2015 theo xu hướng chung là tăng diện tích đất nông nghiệp, tăng diện tích đất phi nông nghiệp và giảm diện tích đất chưa sử dụng. Diện tích đất nông nghiệp tăng 14.300,63 ha. Trong đó diện tích đất sản xuất nông nghiệp tăng 2.898,97 ha. Diện tích đất lâm nghiệp tăng với diện tích lớn nhất là 11.393,74 ha. Diện tích đất nuôi trồng thủy sản tăng 22,69 ha. Diện tích đất phi nông nghiệp khác giảm 14,77 ha, đến năm 2015 diện tích đất này là 0 ha. Diện tích đất phi nông nghiệp tăng

2.572,11 ha. Trong đó diện tích đất ở tăng 119,54 ha, chủ yếu là sự tăng lên của diện tích đất ở nông thôn cụ thể là 112,04 ha. Diện tích đất chuyên dùng tăng 2.090,36 ha. Diện tích đất cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng tăng 2,40 ha. Diện tích đất nghĩa trang, nghĩa địa tăng 32,42 ha. Diện tích đất sông suối và mặt nước chuyên dùng tăng 344,07 ha. Diện tích đất phi nông nghiệp khác giảm 16,68 ha, đến năm 2015 diện tích đất này là 0 ha. Diện tích đất chưa sử dụng giảm 16.872,74 ha. Diện tích đất đồi núi chưa sử dụng giảm với diện tích lớn nhất là 15.187,10 ha. Diện tích đất bằng chưa sử dụng giảm 2.258,82 ha. Diện tích đất núi đá không có rừng cây tăng 573,18 ha.

3.2. Phân tích nguyên nhân biến động và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả SDD

Nguyên nhân biến động sử dụng đất

Đăng ký biến động đất đai là hoạt động thường xuyên của cơ quan hành chính Nhà nước mà trực tiếp là ngành Địa chính nhằm cập nhật những thông tin về đất đai để đảm bảo cho hệ thống hồ sơ địa chính luôn phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất, đồng thời để làm cơ sở cho Nhà nước phân tích các hiện tượng kinh tế - xã hội trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất đai. Đăng ký biến động đất đai có những đặc điểm cơ bản sau: Dựa trên cơ sở hồ sơ đăng ký đất đai ban đầu; Không cần thiết phải có Hội đồng tư vấn trong quá trình xét duyệt; Được tiến hành thường xuyên, tồn đọng song song với quá trình sử dụng đất.

Trong quá trình sử dụng đất, do tác động của con người và thiên nhiên làm cho đất đai bị biến động so với trạng thái đăng ký ban đầu. Qua quá trình nghiên cứu hiện trạng sử dụng đất huyện Tuyên Hóa giai đoạn 1985 - 2003 có thể rút ra một số nguyên nhân chủ yếu gây biến động sử dụng đất đai như sau:

**** Về ảnh hưởng của con người (có hai chủ thể gây ra biến động là người sử dụng đất và Nhà nước):***

- Do quy hoạch tổng thể về phân tách các đơn vị hành chính trong toàn tỉnh.
- Do người sử dụng đất được thực hiện quyền sử dụng đất của mình theo quy định của Nhà nước và Pháp luật như: chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp,...
- Do thay đổi một số chính sách trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, luật đất đai năm 1993 ra đời, luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật đất đai năm 1998, 2001, 2003 và 2013.
- Nhà nước thực hiện thay đổi mục đích sử dụng đất.
- Do quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuyên Hóa thời kỳ 2001 - 2010.

**** Về tự nhiên:***

Địa hình huyện Tuyên Hóa phức tạp, bị chia cắt, độ dốc lớn nên đất canh tác thường bị bào mòn và rửa trôi. Ngoài ra, sự tác động của thiên tai như: lũ lụt gây xói mòn làm thay đổi trạng thái của đất dẫn đến thay đổi mục đích sử dụng, thay đổi trạng thái tự nhiên của thửa đất so với lần đăng ký trước. Một số diện tích đất canh tác ven sông, vào mùa mưa lũ bị xói lở và mất đất cũng là nguyên nhân làm diện tích đất nông nghiệp giảm. Sau khi đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ban đầu, trong quá trình sử dụng đất, chủ sử dụng đất có trách

nhiệm đến UBND cấp xã - nơi có đất để khai báo và đăng ký biến động đất đai đã được cấp có thẩm quyền cho phép thực hiện các hành vi làm thay đổi đất đai hoặc do tác động của thiên tai.

3.3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất ở Tuyên Hóa

Sử dụng đất đai phải ưu tiên cho nhiệm vụ phát triển kinh tế nông nghiệp, thực hiện chiến lược an toàn lương thực và tăng nhanh nông sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của nhân dân, bảo vệ nâng cao độ phì nhiêu và hệ số sử dụng đất. Bố trí cơ cấu đất nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, gắn với thị trường, phù hợp với hệ sinh thái trên những vùng đất và địa hình khác nhau theo phương thức nông lâm kết hợp. Tập trung khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai và các điều kiện tự nhiên khác để phát triển các mô hình sản xuất khác nhau tạo ra nông sản hàng hoá có giá trị kinh tế cao như mủ cao su, hạt tiêu, các loại trái cây...

Định hướng sử dụng đất nông nghiệp

Nhìn từ góc độ kinh tế thì sản xuất nông nghiệp đang thu hút lượng lao động khá dồi dào và tạo ra một lượng giá trị sản phẩm tương đối cho huyện, vì vậy định hướng đến năm 2030 diện tích đất nông nghiệp được mở rộng trên diện tích đất chưa sử dụng. Và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp để khai thác tối đa tiềm năng đất nông nghiệp của huyện.

Một phần diện tích đất nông nghiệp sẽ chuyển sang mục đích khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển KT - XH huyện, cụ thể chuyển một phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất rừng sản xuất sang đất ở, đất chuyên dùng.

Định hướng sử dụng đất phi nông nghiệp

Đáp ứng quá trình đô thị hóa diện tích đất ở đô thị sẽ tăng lên, diện tích đó sẽ lấy từ đất nông nghiệp (đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất), đất chuyên dùng, đất chưa sử dụng và đất ở nông thôn.

Định hướng sử dụng đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất xây dựng công trình sự nghiệp, đất có mục đích công cộng: để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trên phạm vi toàn huyện, quỹ đất giành cho xây dựng trụ sở cơ quan và công trình sự nghiệp tăng lên từ đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất chưa sử dụng và một phần đất ở. Nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đến năm 2030 toàn huyện cần khoảng 2.000 ha đất để đáp ứng cho nhu cầu của các lĩnh vực như giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao,... Diện tích đất đó sẽ lấy từ đất chưa sử dụng, đất sản xuất nông nghiệp và đất ở.

Định hướng sử dụng đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: dự kiến đến năm 2030 diện tích đất này tăng lên bao gồm: đất cơ sở sản xuất kinh doanh, đất thương mại, dịch vụ, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm. Diện tích tăng lên này được lấy từ đất chưa sử dụng, một phần diện tích đất sản xuất nông nghiệp.

Định hướng khai thác đất chưa sử dụng

Đưa các diện tích đất chưa sử dụng vào khai thác, sử dụng hiệu quả để đáp ứng nhu cầu của người dân cũng như khai thác triệt để nguồn vốn đất đai của huyện.

Định hướng đến năm 2030 diện tích đất chưa sử dụng sẽ được khai thác đưa vào sử dụng với các mục đích đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất chuyên dùng và một số loại đất khác nhằm đáp ứng nhu cầu đất ở, đất sản xuất và nhu cầu phát triển KT - XH của huyện.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Huyện Tuyên Hóa có tổng diện tích đất đai lớn, quỹ đất sử dụng cho nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao trong khi phần đất sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp thấp, nhất là đất cho xây dựng cơ sở hạ tầng, sản xuất công nghiệp... nên hiệu quả quỹ đất đai cho phát triển KT - XH chưa cao, chưa tạo được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy được sự biến động của đất đai huyện Tuyên Hóa qua các thời kì từ 2000 - 2015 theo xu hướng chung là tăng diện tích đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và giảm diện tích đất chưa sử dụng. Diện tích đất nông nghiệp từ 87.091,78 ha năm 2000 tăng lên 101.098,44 ha năm 2015, diện tích đất phi nông nghiệp tăng từ 3.800,87 ha lên 6.372,98 ha, diện tích đất chưa sử dụng giảm từ 24.205,79 ha xuống 7.333,05 ha năm 2015.

Sự biến động sử dụng đất do 2 nguyên nhân chính là các yếu tố tự nhiên và sự phát triển KT - XH. Trong đó sự phát triển KT - XH là nguyên nhân then chốt dẫn đến biến động sử dụng đất ở huyện Tuyên Hóa.

Qua nghiên cứu đề tài đã đưa ra định hướng sử dụng hợp lý lãnh thổ, cụ thể: tăng diện tích đất nông nghiệp trên diện tích đất chưa sử dụng và nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp để khai thác tối đa tiềm năng đất nông nghiệp của huyện; diện tích đất phi nông nghiệp tăng lên từ diện tích đất chưa sử dụng và một phần diện tích đất nông nghiệp; diện tích đất chưa sử dụng sẽ được khai thác đến mức tối đa nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng của người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Chi cục Thống kê huyện Tuyên Hóa (2014). *Niên giám thống kê huyện Tuyên Hóa năm 2013*.
- [2]. Nguyễn Ngọc Thạch (2002). *Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý ứng dụng*, NXB Đại học khoa học Tự nhiên, Hà Nội.
- [3]. UBND huyện Tuyên Hóa (2015). *Báo cáo Tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2014, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 huyện Tuyên Hóa*.
- [4]. UBND huyện Tuyên Hóa (2012). *Báo cáo thuyết minh quy hoạch sử dụng đất huyện Tuyên Hóa đến năm 2020*.
- [5]. CH Power, LJ Rosenberg, I Downey (1996). *Remote Sensing and GIS for Natural Resource Management*, The University of Greenwich.

STUDY ON LAND USE CHANGE IN THE PERIOD 2000 - 2015 IN TUYEN HOA DISTRICT, QUANG BINH PROVINCE

Dinh Tien Dung^{1*}, Nguyen Quang Tuan², Luong Tien Manh³

¹ *Tuyen Hoa district People's Committees, Quang Binh province*

² *Department of Geography and Geology, Hue University College of Sciences*

³ *Student course No.35, Department of Geography and Geology, Hue University College of Sciences*

**Email: dungnmt1979@gmail.com*

ABSTRACT

Tuyen Hoa is a mountainous district of Quang Binh province, due to steep terrain and complex structure, the process of land use change is more difficult to manage and orient to use land effectively. In this research, authors have analyzed the data of land sources in the period 2000 - 2015, then the land use is researched and evaluated by GIS tools. On that basis, solutions and orientation of land use are suggested. Research results show that the fluctuation of land-use in Tuyen Hoa district from 2000 to 2015 is to increase the area of agricultural land, non-agricultural land and to reduce the area of unused land. The area of agricultural land increases from 87091.78 hectares to 101,098.44 hectares, the area of non-agricultural land rises from 3800.87 hectares to 6372.98 hectares and unused land decreases from 24205.79 hectares to 7333.05 hectares from 2000 to 2015.

Keywords: *Land-use change, Tuyen Hoa, GIS, land resources.*

